

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-54      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200731

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001001	33191020330	Nguyễn Thị Thuận An	16/10/1995	VB22.1KN01				
2	001002	33211020484	Trịnh Như An	31/10/1998	VB24.1LA01				
3	001003	33181025067	Bùi Lê Đức Anh	26/12/1994	VB21.2AD01				
4	001004	33201025048	Đình Phan Đức Anh	03/01/1997	VB23.2MR01				
5	001005	33211020002	Hà Hoàng Tuấn Anh	18/06/1993	VB24.1FN01				
6	001006	33201025216	Lê Hoàng Anh	08/09/1990	VB23.2FN01				
7	001007	33201020129	Nguyễn Kiều Duyên Anh	17/12/1995	VB23.1NS01				
8	001008	33201020098	Nguyễn Ngọc Hoài Anh	09/03/1996	VB23.1AD01				
9	001009	33191025238	Nguyễn Thị Ngọc Anh	04/02/1995	VB22.2FN01				
10	001010	33201025153	Nguyễn Thị Ngọc Anh	26/09/1993	VB23.2MR01				
11	001011	33191025129	Nguyễn Thị Vân Anh	06/05/1995	VB22.2FN01				
12	001012	33191020354	Phan Thanh Tuấn Anh	03/01/1994	VB22.1AD01				
13	001013	33211020270	Phạm Thị Lan Anh	16/11/1991	VB24.1KN01				
14	001014	33191020237	Trần Tuấn Anh	22/05/1987	VB22.1MR01				
15	001015	33201020165	Nguyễn Thị Như Ái	27/07/1995	VB23.1KN01				
16	001016	33201020015	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	20/10/1996	VB23.1FN01				
17	001017	33181020151	Lưu Gia Ân	18/11/1995	VB21.1KN00				
18	001018	33191020403	Nguyễn Đào Thiên Ân	23/05/1995	VB22.1FN01				
19	001019	33201020371	Lê Hùng Bảo	26/01/1985	VB23.1NS01				
20	001020	33191025391	Nguyễn Văn Bằng	22/04/1992	VB22.2FT01				
21	001021	33181025406	Phan Phi Bằng	02/04/1993	VB22.2FT01				
22	001022	33201025087	Lê Thị Bé	29/10/1987	VB23.2LA02				
23	001023	33211020108	Nguyễn Hương Bình	21/05/1994	VB24.1KN01				
24	001024	33211020438	Nguyễn Thị Hải Bình	09/10/1997	VB24.1KN01				
25	001025	33191020484	Phan Trác Bình	27/01/1994	VB22.1MR01				
26	001026	33201025110	Nguyễn Dương Bảo Châu	20/11/1997	VB23.2LA02				
27	001027	33191020452	Phạm Thị Ngọc Châu	25/12/1989	VB22.1MR01				
28	001028	33191025465	Đào Thị Kim Chi	18/04/1993	VB22.2FN01				
29	001029	33191020287	Biện Công Chiến	11/01/1989	VB22.1AD01				
30	001030	33181025056	Nguyễn Văn Chính	03/09/1986	VB21.2LA01				
31	001031	33191020084	Võ Chí Công	28/03/1993	VB22.1LA01				
32	001032	33191020128	Nguyễn Thị Kim Cúc	01/01/1993	VB22.1KN00				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-54      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200731

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001033	33201025217	Trần Y Cường	11/10/1997	VB23.2FN01				
34	001034	33191020129	Bùi Thị Kiều Diễm	12/10/1995	VB22.1KN01				
35	001035	33191025132	Trang Thị Ngọc Diễm	28/10/1997	VB22.2MR01				
36	001036	33201020032	Bùi Thị Diệp	06/09/1996	VB23.1KN01				
37	001037	33191020461	Huỳnh Ngọc Diệu	01/12/1992	VB22.1FN00				
38	001038	33201025056	Võ Thị Mỹ Diệu	20/02/1995	VB23.2AD01				
39	001039	33191025458	Lê Thị Mỹ Dung	02/10/1994	VB22.2LA01				
40	001040	33201025243	Nghiêm Thị Xuân Dung	20/02/1996	VB23.2LA02				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-55      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200732

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001041	33201020557	Ngô Thị Ngọc Dung	18/09/1982	VB23.1LA01				
2	001042	33201025432	Phạm Thị Bảo Dung	26/08/1984	VB23.2LA02				
3	001043	33201025297	Đặng Trần Khắc Duy	04/02/1997	VB23.2MR01				
4	001044	33201020050	Nguyễn Nhất Duy	22/02/1989	VB23.1FT01				
5	001045	33171020551	Trần Khánh Duy	01/10/1994	VB20AKN01				
6	001046	33191025447	Trương Hoàng Duy	07/11/1996	VB22.2LA01				
7	001047	33191020285	Vũ Minh Duy	13/09/1996	VB22.1AD01				
8	001048	33181020305	Phạm Thị Thùy Dương	25/10/1991	VB22.1LA01				
9	001049	33201025071	Nguyễn Tấn Đạt	31/07/1995	VB23.2FN01				
10	001050	33201025150	Trần Hữu Đạt	12/01/1996	VB23.2MR01				
11	001051	33181020443	Đỗ Trung Đông	11/08/1994	VB21.1KN01				
12	001052	33191020380	Đỗ Văn Đức	15/07/1995	VB22.1AD01				
13	001053	33201025115	Nguyễn Vũ Huyền Gia	24/03/1997	VB23.2MR01				
14	001054	33191020253	Mai Thị Lệ Giang	20/08/1990	VB22.1LA01				
15	001055	33191025003	Nguyễn Lê Hương Giang	08/08/1986	VB22.1KN01				
16	001056	33201020161	Trương Thị Giang	26/01/1996	VB23.1KN01				
17	001057	33181020026	Phạm Ngọc Giàu	01/06/1988	VB21.1FT01				
18	001058	33171026020	Nguyễn Văn Giáp	15/09/1984	VB20ALA01				
19	001059	33191025360	Bùi Nguyễn Minh Hà	19/05/1982	VB22.2FT01				
20	001060	33191025273	Bùi Thị Như Hà	01/09/1986	VB22.2LA00				
21	001061	33201020269	Dương Thị Thu Hà	24/03/1989	VB23.1NS01				
22	001062	33211020346	Đặng Trần Trúc Hà	02/11/1991	VB24.1LA02				
23	001063	33201020086	Lê Thị Hà	30/03/1997	VB23.1FN01				
24	001064	33191025070	Lê Thị Thu Hà	08/08/1991	VB22.2FN01				
25	001065	33201020196	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17/10/1993	VB23.1LA01				
26	001066	33201020531	Trần Thị Bích Hà	02/07/1994	VB23.1LA01				
27	001067	33201025352	Lê Văn Hải	15/08/1990	VB23.2LA02				
28	001068	33201025403	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	25/11/1975	VB23.2KN01				
29	001069	33191025377	Lê Thị Thúy Hằng	14/09/1989	VB22.2LA01				
30	001070	33191020386	Phạm Nguyễn Thu Hằng	03/04/1990	VB22.2FN01				
31	001071	33201020045	Lê Công Hậu	12/08/1993	VB23.1KN01				
32	001072	33201020205	Lê Thị Thu Hiền	04/11/1994	VB23.1KN01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-55      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200732

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001073	33201020319	Trương Thanh Hiền	18/01/1990	VB23.1LA01				
34	001074	33191020134	Võ Quang Hiền	21/03/1983	VB22.1AD01				
35	001075	33171025109	Bùi Công Hiếu	19/06/1994	VB20BKN01				
36	001076	33181025005	Nguyễn Lê Hữu Hiệu	01/11/1994	VB21.2AD01				
37	001077	33181025320	Đặng Thị Hoa	06/05/1983	VB21.2KN01				
38	001078	33201020174	Trần Thị Hòa	24/11/1989	VB23.1NS01				
39	001079	33201020389	Trương Tuyết Hồng	26/04/1989	VB23.1LA01				
40	001080	33201025219	Lê Tấn Huy	09/03/1995	VB23.2FN01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-56      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200733

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001081	33211020295	Nguyễn Văn Hùng	08/06/1988	VB24.1LA02				
2	001082	33191025288	Nguyễn Khắc Hưng	06/05/1991	VB22.2AD01				
3	001083	33181020486	Nguyễn Thị Thu Hương	14/11/1988	VB21.1LA01				
4	001084	33181025389	Trương Văn Hương	01/07/1990	VB21.2AD01				
5	001085	33201025127	Tô Nguyễn Phi Khanh	17/10/1989	VB23.2MR01				
6	001086	33191020281	Nguyễn Hoàng Quốc Khánh	27/09/1991	VB22.1LA01				
7	001087	33211020061	Trương Huỳnh Quốc Khánh	01/01/1987	VB24.1LA01				
8	001088	33181020137	Trần Văn Hiến Khuê	10/07/1992	VB21.1KI01				
9	001089	33201020052	Huỳnh Thị Xuân Kiều	03/09/1995	VB23.1KN01				
10	001090	33191020009	Trương Thị Mỹ Kiều	15/01/1994	VB22.1FT01				
11	001091	33211020032	Nguyễn Quốc Thiên Kim	04/03/1985	VB24.1LA02				
12	001092	33201020111	Huỳnh Dương Phương Lam	16/10/1997	VB23.1KN01				
13	001093	33191025055	Nguyễn Thị Yến Lan	18/02/1994	VB22.2LA01				
14	001094	33201025185	Nguyễn Thị Lâm	24/10/1997	VB23.2FN01				
15	001095	33181020485	Nguyễn Kim Lâm	18/12/1968	VB21.1LA01				
16	001096	33191020195	Đặng Nguyễn Thanh Lâm	02/07/1994	VB22.1AD01				
17	001097	33201020004	Lý Ngọc Lê	16/09/1993	VB23.1MR01				
18	001098	33201020526	Trần Ngọc Lê	22/04/1995	VB23.1LA01				
19	001099	33171025274	Nguyễn Thị Kim Liên	12/01/1987	VB20BKN01				
20	001100	33191025182	Ngô Thị Thu Liễu	14/09/1993	VB22.2LA01				
21	001101	33211020407	Đặng Thị Thùy Linh	16/10/1988	VB24.1LA02				
22	001102	33201020278	Nguyễn Diệu Linh	02/07/1994	VB23.1FN01				
23	001103	33201025390	Trần Tiểu Linh	24/11/1996	VB23.2LA01				
24	001104	33201020168	Trương Nguyễn Thùy Linh	02/05/1995	VB23.1FN01				
25	001105	33181020108	Đỗ Hoàng Long	11/11/1993	VB21.1FN01				
26	001106	33201025155	Huỳnh Đoàn Thiên Long	26/08/1996	VB23.2FN01				
27	001107	33171025367	Nguyễn Văn Long	02/11/1984	VB20BAD01				
28	001108	33211020402	Nguyễn Bùi Quốc Lộc	27/08/1986	VB24.1KN01				
29	001109	33181025340	Lê Viết Lương	16/11/1995	VB21.2LA01				
30	001110	33201025149	Trần Văn Lượng	29/03/1995	VB23.2LA01				
31	001111	33181020413	Bùi Thị Quỳnh Lưu	15/06/1995	VB21.1KN01				
32	001112	33191020476	Hoàng Thị Lý	21/07/1991	VB22.1FT01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-56      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200733

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001113	33201021004	Hoàng Quỳnh Mai	02/02/1995	VB23.1NS01				
34	001114	33201025065	Nguyễn Ngô Hùng Mạnh	06/09/1993	VB23.2FN01				
35	001115	33201025221	Bành Huệ Mẫn	02/08/1980	VB23.2LA02				
36	001116	33191025114	Nguyễn Văn Minh	16/12/1994	VB22.2FN01				
37	001117	33201020504	Phạm Thị Mơ	20/02/1987	VB23.1KN01				
38	001118	33181025081	Phan Thị Hà My	30/05/1990	VB21.2AD01				
39	001119	33191020453	Phan Thị Hoàng My	22/09/1997	VB22.1MR01				
40	001120	33201020292	Phạm Thảo My	27/08/1996	VB23.1KN01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-57      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200734

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001121	33201025063	Lê Thị Mi Na	30/08/1997	VB23.2LA01				
2	001122	33201020544	Hoàng Thanh Nam	23/01/1996	VB23.1AD01				
3	001123	33191020347	Lê Hải Nam	14/09/1993	VB22.1AD01				
4	001124	33191029004	Nguyễn Hoàng Nam	25/06/1996	VB22.2LA01				
5	001125	33181025031	Nguyễn Quốc Nam	22/03/1996	VB21.2AD01				
6	001126	33191020223	Nguyễn Thị Nga	11/02/1994	VB22.1KN01				
7	001127	33201020347	Dương Thanh Ngân	12/04/1983	VB23.1NS01				
8	001128	33191025041	Huỳnh Lê Kim Ngân	27/10/1994	VB22.2LA01				
9	001129	33211020034	Ngô Thị Thúy Ngân	03/03/1984	VB24.1LA02				
10	001130	33191025183	Trần Trọng Nghĩa	04/09/1996	VB22.2AD01				
11	001131	33201020210	Lê Võ Trọng Nghĩa	16/09/1979	VB23.1KN01				
12	001132	33191025098	Đỗ Huy Ngọc	05/11/1994	VB22.2FN01				
13	001133	33181025300	Lê Thị Bích Ngọc	05/10/1987	VB22.2KN01				
14	001134	33211020059	Nguyễn Hoàng Như Ngọc	02/10/1998	VB24.1KN01				
15	001135	33201025119	Nguyễn Khôi Nguyên	24/06/1998	VB23.2AD01				
16	001136	33201020474	Trịnh Thị Thu Nguyên	15/10/1993	VB23.1LA01				
17	001137	33181025292	Hồ Thị Thanh Nguyệt	21/05/1991	VB21.2AD01				
18	001138	33191025331	Nguyễn Thanh Nhã	10/09/1994	VB22.2LA01				
19	001139	33191020240	Nguyễn Văn Nhân	18/12/1994	VB22.1FN01				
20	001140	33211020154	Lê Thị Hồng Nhật	12/10/1996	VB24.1KN01				
21	001141	33211020023	Cao Thị Hồng Nhi	13/05/1987	VB24.1LA02				
22	001142	33211020333	Hoàng Yến Nhi	01/03/1998	VB24.1KN01				
23	001143	33171020173	Lưu Thị Hồng Nhi	08/05/1993	VB20ALA00				
24	001144	33191025441	Nguyễn Thị Yến Nhi	16/10/1997	VB22.2NS01				
25	001145	33191025239	Nguyễn Thị Ý Nhi	10/04/1993	VB22.2FN01				
26	001146	33191020296	Liều Hý Nhục	23/05/1986	VB22.1KN01				
27	001147	33191025419	Nguyễn Quỳnh Như	13/05/1993	VB22.2LA00				
28	001148	33201020555	Nguyễn Thị Tố Như	29/07/1996	VB23.1LA01				
29	001149	33171020075	Lê Thị Nhung	/09/1988	VB20ANS01				
30	001150	33191025175	Lê Hoàng Ni	19/10/1989	VB22.2LA01				
31	001151	33191025323	Nguyễn Văn Nốp	01/01/1987	VB23.1FT01				
32	001152	33201020133	Hoàng Thị Oanh	02/08/1989	VB23.1FN01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-57      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200734

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001153	33211020275	Nguyễn Văn Phong	10/01/1986	VB24.1KN01				
34	001154	33201025377	Vương Thanh Phong	03/10/1993	VB23.2LA01				
35	001155	33211020308	Huỳnh Hồng Phúc	10/12/1997	VB24.1LA01				
36	001156	33191025455	Ngô Thị Kim Phụng	14/10/1994	VB22.2LA01				
37	001157	33191020053	Đỗ Thị Túy Phương	29/11/1980	VB22.1LA02				
38	001158	33201025373	Hồ Trúc Phương	29/04/1994	VB23.2KN01				
39	001159	33181025321	Nguyễn Hồng Phương	20/05/1995	VB21.2AD01				
40	001160	33191025386	Nguyễn Thị Thanh Phương	03/05/1997	VB22.2FT01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      **- Phòng thi:** BOX-58      **- Giờ thi:** 07g00      **- Mã ca thi:** 200735

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001161	33191025474	Nguyễn Thụy Cát	Phương	12/10/1991	VB22.2FN01			
2	001162	33191020185	Trần Bảo Diễm	Phương	13/08/1995	VB22.1MR01			
3	001163	33191025097	Dương Hữu	Phước	14/08/1984	VB22.2FN01			
4	001164	33201020382	Lê Thị Thịnh	Phước	17/11/1995	VB23.1KN01			
5	001165	33201020515	Đoàn Minh	Quang	23/12/1994	VB23.1LA01			
6	001166	33201020405	Lê Thanh	Quang	23/01/1988	VB23.1FN01			
7	001167	33191020349	Nguyễn Duy	Quang	17/06/1995	VB22.1FT01			
8	001168	33211020132	Phan Ngọc	Quang	23/08/1988	VB24.1LA02			
9	001169	33181020277	Phù Duy	Quang	20/12/1989	VB21.1NS01			
10	001170	33191025112	Võ Thanh	Quang	19/03/1993	VB22.2LA00			
11	001171	33181025144	Phạm Trần Hoàng	Quân	10/12/1996	VB22.1FT01			
12	001172	33191025100	Đỗ Hữu	Quốc	04/04/1978	VB22.2FN01			
13	001173	33191025511	Trương Hồng	Quyên	24/08/1995	VB22.2NS01			
14	001174	33191025124	Châu Hậu	Quyên	31/03/1983	VB22.2LA01			
15	001175	33191025332	Dương Tú	Quỳnh	18/09/1973	VB22.2LA00			
16	001176	33201020386	Ngô Như	Quỳnh	29/10/1996	VB23.1FN01			
17	001177	33181025245	Nguyễn Thị Lan	Quỳnh	08/03/1996	VB21.2KN01			
18	001178	33191025241	Cao Tuấn	Sang	24/12/1994	VB22.2LA01			
19	001179	33201020048	Nguyễn Thái	Sang	15/09/1996	VB23.1FN01			
20	001180	33201020201	Phạm Vũ	Sang	27/01/1995	VB23.1KN01			
21	001181	33201020203	Hứa Vĩnh	Sơn	05/03/1996	VB23.1MR01			
22	001182	33201025286	Nguyễn Thanh	Sơn	06/10/1992	VB23.2FN01			
23	001183	33191020234	Trần Anh	Sơn	19/01/1994	VB22.1LA01			
24	001184	33191020052	Trần Thanh	Sơn	24/03/1979	VB22.1LA02			
25	001185	33201025257	Đặng Thị Anh	Tâm	17/03/1996	VB23.2KN01			
26	001186	33181025002	Huỳnh Dũng	Tâm	24/09/1989	VB21.2KN01			
27	001187	33201020150	Võ Thị Nhất	Tâm	22/03/1995	VB23.1KN01			
28	001188	33191025185	Huỳnh Tấn	Thanh	02/01/1989	VB22.2FN01			
29	001189	33181020006	Nguyễn Chí	Thanh	22/03/1994	VB21.1AD01			
30	001190	33191020150	Nguyễn Minh	Thành	03/03/1995	VB22.1FN01			
31	001191	33181025256	Nguyễn Tấn	Thành	11/10/1995	VB21.2AD01			
32	001192	33191020258	Phạm Xuân	Thành	07/08/1989	VB22.1LA01			

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỶ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-58      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200735

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001193	33181025301	Trần Công Thành	18/11/1994	VB21.2AD01				
34	001194	33201025245	Dương Hiếu Thảo	23/11/1994	VB23.2LA02				
35	001195	33171020371	Hà Lê Thanh Thảo	26/06/1992	VB20ALA01				
36	001196	33201025084	Hoàng Lâm Như Thảo	11/12/1994	VB23.2AD01				
37	001197	33201020053	Nguyễn Huỳnh Xuân Thảo	12/11/1995	VB23.1KN01				
38	001198	33191020027	Nguyễn Ngọc Thảo	04/01/1991	VB22.1KN00				
39	001199	33171020317	Nguyễn Thanh Bạch Thảo	23/09/1990	VB20AFN00				
40	001200	33201025068	Nguyễn Thị Phương Thảo	20/09/1995	VB23.2LA02				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-59      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200736

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001201	33191020242	Vũ Thị Phương Thảo	15/10/1995	VB22.1MR01				
2	001202	33201025182	Lê Xuân Thái	17/01/1996	VB23.2LA02				
3	001203	33201020039	Ngô Hồng Thái	17/09/1991	VB23.1FN01				
4	001204	33191020142	Lê Minh Thạnh	24/06/1994	VB22.1FN01				
5	001205	33201025298	Phạm Đức Thắng	24/02/1987	VB23.2LA02				
6	001206	33191025245	Nguyễn Trần Thanh Thiên	08/10/1996	VB22.2AD01				
7	001207	33201025478	Đỗ Phúc Thịnh	14/10/1996	VB23.2AD01				
8	001208	33191020117	Nguyễn Trần Thịnh	12/06/1996	VB22.1MR01				
9	001209	33191025081	Nguyễn Xuân Thịnh	16/06/1972	VB22.2FN01				
10	001210	33191020026	Nguyễn Thị Kim Thoa	20/09/1988	VB22.1LA01				
11	001211	33171020254	Phan Thị Thôi	21/06/1989	VB20ALA00				
12	001212	33181025080	Hà Nhật Thông	04/02/1994	VB21.2AD01				
13	001213	33201025477	Võ Bùi Duy Thông	22/02/1986	VB23.2FN02				
14	001214	33181025407	Phan Quang Thuận	05/08/1991	VB21.2AD01				
15	001215	33191025362	Đỗ Như Thủy	12/12/1984	VB22.2KN01				
16	001216	33191025295	Mai Thị Thanh Thủy	18/10/1984	VB22.2LA00				
17	001217	33191025054	Nguyễn Thị Thủy	08/02/1996	VB22.2AD01				
18	001218	33191025333	Nguyễn Thị Thủy	17/06/1981	VB22.2KN01				
19	001219	33211020063	Nguyễn Thị Thanh Thủy	23/10/1997	VB24.1KN01				
20	001220	33201025386	Trần Thị Thủy	17/09/1984	VB23.2LA02				
21	001221	33201020169	Lê Thị Kim Thúy	01/06/1990	VB23.1KN01				
22	001222	33181020224	Ninh Phương Thúy	06/02/1993	VB21.1KN01				
23	001223	33201025002	Đặng Ngọc Vĩnh Thụy	07/11/1994	VB23.2KN01				
24	001224	33171025142	Nguyễn Kim Thư	10/04/1993	VB20BFN01				
25	001225	33201025431	Kiều Lê Hoài Thương	21/01/1996	VB23.2MR01				
26	001226	33201025114	Lê Ngọc Thương	01/01/1980	VB23.2FN02				
27	001227	33211020240	Phạm Thị Thương	12/01/1993	VB24.1LA02				
28	001228	33181025060	Nguyễn Thị Thủy Tiên	08/06/1995	VB22.2KN01				
29	001229	33181020120	Huỳnh Thành Tiến	12/07/1992	VB21.1KN01				
30	001230	33201025010	Nguyễn Ngọc Tiến	27/01/1991	VB23.2FN02				
31	001231	33191020057	Phạm Minh Tiến	07/08/1991	VB22.1FN01				
32	001232	33201020373	Trần Thị Kim Tiến	22/11/1995	VB23.1NS01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-59      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200736

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001233	33171020386	Lê Thị Hoài Trang	30/04/1989	VB20AKN01				
34	001234	33181025124	Lưu Thị Hương Trà	24/09/1996	VB21.2FT01				
35	001235	33201020157	Nguyễn Như Trãi	16/05/1995	VB23.1LA01				
36	001236	33201020085	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	23/09/1996	VB23.1FN01				
37	001237	33201020128	Tô Phùng Thanh Trâm	13/05/1995	VB23.1KN01				
38	001238	33181025123	Nguyễn Thị Huyền Trân	22/11/1995	VB21.2AD01				
39	001239	33201025327	Tạ Huỳnh Bảo Trân	01/11/1996	VB23.2FN01				
40	001240	33201020068	Dương Công Triều	03/06/1990	VB23.1LA01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm  
**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-60      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200737

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
1	001241	33191025064	Nguyễn Hồng Triều	16/03/1989	VB22.2FN01				
2	001242	33181020495	Lâm Tố Trinh	31/12/1983	VB21.1KN01				
3	001243	33191025086	Lê Thị Ngọc Trinh	10/08/1995	VB22.2KN01				
4	001244	33191020328	Nguyễn Thị Ngọc Trinh	11/11/1996	VB22.1FN01				
5	001245	33201025435	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	10/06/1997	VB23.2MR01				
6	001246	33201020308	Phạm Lương Phương Trinh	09/11/1996	VB23.1KN01				
7	001247	33191025101	Ngô Minh Trung	12/07/1990	VB22.2LA00				
8	001248	33191020331	Nguyễn Thành Trung	20/10/1994	VB22.1AD01				
9	001249	33181025025	Phùng Quốc Trung	29/05/1995	VB21.2AD01				
10	001250	33201020307	Tổng Văn Trung	06/06/1991	VB23.1LA01				
11	001251	33181020219	Lê Thanh Trúc	1984	VB21.1KN01				
12	001252	33181020141	Lê Thị Phương Trúc	09/09/1993	VB21.1KN01				
13	001253	33201020301	Phạm Xuân Trường	18/11/1986	VB23.1KN01				
14	001254	33171020090	Nguyễn Anh Tuấn	24/10/1993	VB20AAD01				
15	001255	33191025026	Nguyễn Hữu Tuấn	08/01/1993	VB22.2FN01				
16	001256	33201020511	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	15/09/1996	VB23.1KN01				
17	001257	33201020268	Thái Thanh Tùng	30/09/1983	VB23.1AD01				
18	001258	33201025124	Nguyễn Thị Tú	26/11/1989	VB23.2KN01				
19	001259	33191020016	Đào Huy Tước	19/03/1983	VB22.1MR01				
20	001260	33191025127	Nguyễn Thị Tường Vân	10/01/1995	VB22.2FN01				
21	001261	33201020044	Nguyễn Thị Vi Vân	25/11/1988	VB23.1KN01				
22	001262	33181025101	Nguyễn Thu Vân	03/11/1994	VB21.2KN01				
23	001263	33191020198	Trịnh Thị Kiều Vân	08/12/1994	VB22.1MR01				
24	001264	33201020426	Võ Thị Tường Vân	27/07/1985	VB23.1LA01				
25	001265	33191020008	Trương Thị Vẹn	15/11/1995	VB22.1KN01				
26	001266	33201020139	Phan Đào Khương Vi	12/11/1996	VB23.1AD01				
27	001267	33191025264	Nguyễn Quốc Việt	07/09/1994	VB22.2AD01				
28	001268	33191020446	Đinh Bạt Việt	03/03/1993	VB22.1AD01				
29	001269	33211020479	Nguyễn Văn Việt	13/10/1998	VB24.1KN01				
30	001270	33191025087	Nguyễn Phú Vinh	23/03/1995	VB22.2KN01				
31	001271	33201020507	Lâm Hồng Vĩ	12/04/1995	VB23.1FN01				
32	001272	33211020109	Nguyễn Hoàng Vũ	31/03/1989	VB24.1KN01				

**DANH SÁCH SINH VIÊN THAM DỰ KỲ THI NGOẠI NGỮ ĐẦU RA  
ĐẠI HỌC VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY**

**Môn thi:** Thi Tiếng Anh đầu ra - VB2

**Ngày thi:** 17/04/2022      - **Phòng thi:** BOX-60      - **Giờ thi:** 07g00      - **Mã ca thi:** 200737

STT	SBD	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Khóa-Lớp	Chữ ký	Điểm thi	Mã đề	SP
33	001273	33171020350	Trần Tô Vũ	06/06/1990	VB20AFN01				
34	001274	33181020077	Nguyễn Văn Vương	30/09/1986	VB21.1AD01				
35	001275	33181020362	Đỗ Thị Thanh Vương	26/03/1984	VB21.1AD01				
36	001276	33191020241	Trần Thị Ngọc Vy	26/12/1995	VB22.1MR01				
37	001277	33201020398	Nguyễn Thị Xuân	18/08/1988	VB23.1KN01				
38	001278	33171020335	Phạm Hoàng Yến	18/11/1982	VB20ALA01				
39	001279	33201020011	Phạm Thị Yến	21/07/1983	VB23.1KN01				
40	001280	33181025121	Nguyễn Như Ý	30/04/1995	VB21.2AD01				

Số bài: \_\_\_\_\_

Số tờ: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CBCT2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 1: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký GV chấm thi 2: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB kiểm dò bài: \_\_\_\_\_

Họ tên chữ ký CB lên điểm: \_\_\_\_\_

**Họ tên thư ký nhận bài**

TP. Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm

**TRƯỞNG PHÒNG KHĐT - KHẢO THÍ**

**TS. Nguyễn Quốc Khanh**